

**CÔNG TY TNHH TMDV MÔI TRƯỜNG XANH HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV MÔI TRƯỜNG XANH HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI GREEN ENVIRONMENTAL TMDV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110659518

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 125 Phố Hà Kế Tấn, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0907 35 22 36

Fax:

Email: yenpham.xanhha noi@gmail.com Website: m

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                          | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                 | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                 | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                            | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                               | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                              | 4620     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                         | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị khác để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4659 |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662 |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663 |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc<br>Khảo sát xây dựng<br>Lập thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng<br>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình<br>Kiểm định xây dựng<br>Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng<br>Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>Dịch vụ tư vấn đấu thầu bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án; thu xếp tài chính, đào tạo, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ tư vấn khác.<br>Cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Thiết kế máy móc và thiết bị; Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. | 7110 |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                              | 4690        |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm)                                         | 4774        |
| 16. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                            | 4784        |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                        | 4791        |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                            | 7730        |
| 19. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                     | 8121        |
| 20. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                         | 8129(Chính) |
| 21. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                     | 8130        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                         | 4101        |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                   | 4102        |
| 24. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                             | 4211        |
| 25. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                              | 4212        |
| 26. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                  | 4221        |
| 27. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                       | 4222        |
| 28. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                        | 4223        |
| 29. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                         | 4229        |
| 30. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                  | 4291        |
| 31. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                           | 4292        |
| 32. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                     | 4293        |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                | 4299        |
| 34. | Phá dỡ                                                                                                                                                                    | 4311        |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                               | 4312        |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                     | 4321        |
| 37. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4752        |
| 38. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4753        |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4759        |
| 40. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí; trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm) | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 539.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 23/03/2024 đến ngày 22/04/2024

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM THỊ YÊN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 28/02/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 010176000037

Ngày cấp: 17/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 1 Hẻm 192/56/19 đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1 Hẻm 192/56/19 đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ YÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/02/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 010176000037

Ngày cấp: 17/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 1 Hẻm 192/56/19 đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1 Hẻm 192/56/19 đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội